

Bản án: 11/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 17-01-2025.

V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA TỈNH LONG AN

-Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Quyên.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Lin.

2. Bà Trần Thị Đồi.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hào - là cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 17 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa (toạ lạc tại Khu B, thị trấn H) tiến hành xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 1354/2024/TLST-HNGĐ ngày 19/11/2024 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 316/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/12/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Mai Thị Thu B, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An (vắng mặt).

Bị đơn: Anh Phan Thanh N, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 14/11/2024 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án chị Mai Thị Thu B trình bày như sau: Chị và anh Phan Thanh N sống với nhau từ năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. Thời gian đầu chung sống vợ chồng hạnh phúc. Thời gian gần đây bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên chị và anh N sống ly thân với nhau từ tháng 10 năm 2024 đến nay. Nay thấy tình cảm không còn và cũng không thể hàn gắn nên chị xin ly hôn anh N, vì bận công việc nên chị xin vắng mặt tại các phiên xét xử của Tòa án.

Về con chung: Phan A, sinh ngày 14/10/2021 và Phan Mai A, sinh ngày 01/10/2024, hai con hiện đang sống với chị, sau khi ly hôn chị xin nuôi hai con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phan Thanh N mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến và không có ý kiến phản hồi về yêu cầu xin ly hôn của chị Thu B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà, căn cứ các kết quả xét hỏi tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Mai Thị Thu B khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Phan Thanh N, anh N hiện có hộ khẩu thường trú tại xã Đ, huyện Đ nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý là Thuộc thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Thu B có đơn đề nghị không hòa giải nên căn cứ khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án không tiến hành hòa giải trong vụ án này. Chị Thu B có đơn xin xét xử vắng mặt, anh N đã được tổng đạt các thủ tục theo quy định của pháp luật nhưng anh N vẫn vắng mặt nên căn cứ khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị Thu B và anh Phan Thanh N chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn, nên hôn nhân giữa chị Thu B và anh N được xem là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Trong quá trình chung sống, chị Thu B và anh N phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị Thu B xin ly hôn anh N, anh N không phản hồi ý kiến của chị Thu B.

[3] Xét thấy, chị Thu B và anh N chung sống với nhau, phát sinh mâu thuẫn. Chị Thu B và anh N không tự khắc phục được mâu thuẫn nên để mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, dẫn đến sống ly thân từ tháng 10 năm 2024 cho đến nay. Từ khi sống ly thân tới nay, anh N cũng không tìm ra được biện pháp gì để vợ chồng được đoàn tụ, hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Hơn nữa, tại phiên tòa xét xử hôm nay, anh N cũng không đến, không có thiện chí để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Do đó, xét thấy hôn nhân giữa chị Thu B và anh N đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống vợ chồng không có hạnh phúc, nên chị T Ba xin ly hôn với anh N là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Thu B đối với anh N.

Con chung: Phan A, sinh ngày 14/10/2021 và Phan Mai A, sinh ngày 01/10/2024, cháu Phan A và cháu Mai A hiện đang sống với chị Thu B, sau khi ly hôn chị T Ba xin nuôi cháu Phan A và cháu Mai A. Xét thấy, hiện cháu Phan

A và cháu Mai A đang sống với chị T Ba ổn định, hai cháu phát triển bình thường. Anh N cũng không có ý kiến phản hồi về việc chị T Ba xin nuôi con, nên thấy cần thiết để cho chị T Ba tiếp tục nuôi con là phù hợp, chị T Ba không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Tài sản chung và nợ chung: Chị Thu B khai tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét đến. Đối với anh N không phản hồi ý kiến yêu cầu xin ly hôn của chị Thu B cũng như không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung. Nếu sau này có tranh chấp, sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Chị T Ba phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị Thu B đối với anh Phan Thanh N về việc “ly hôn”.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị Thu B được ly hôn với anh Phan Thanh N.

Việc nuôi con: Chị Mai Thị Thu B được quyền tiếp tục nuôi Phan A, sinh ngày 14/10/2021 và Phan Mai A, sinh ngày 01/10/2024, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị T Ba không có yêu cầu. Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, bên trực tiếp nuôi con không được quyền ngăn cản. Khi cần thiết có thể yêu cầu thay đổi quyền nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí: Chị Mai Thị Thu B chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ nhà nước. Chị Thu B được khấu trừ 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0006638 ngày 14/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An để thi hành.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án để xin xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- TAND tỉnh Long An;
- UBND xã Tân Phú;
- UBND xã Đức Lập Thượng;
- Lưu HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Kim Quyên